

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành  
Dự án kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Chu khu vực cầu Vạn Hà, huyện Thiệu  
Hóa và đê tả sông Lèn, huyện Hà Trung**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2024;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP  
ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi  
công xây dựng và bảo trì công trình; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về  
quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan; số  
175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi  
hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày  
11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư  
công; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết  
toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 96/2021/TT-BTC  
ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết  
toán; số 63/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 246/NQ-HĐND ngày  
11/7/2022 và số 383/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 về chủ trương, điều chỉnh chủ  
trương đầu tư Dự án kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Chu khu vực cầu Vạn Hà,  
huyện Thiệu Hóa và đê tả sông Lèn, huyện Hà Trung;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1490/QĐ-UBND ngày  
07/5/2023, số 3061/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 và số 922/QĐ-UBND ngày  
06/3/2024 về việc phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án và điều chỉnh thời gian thực  
hiện Dự án kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Chu khu vực cầu Vạn Hà, huyện  
Thiệu Hóa và đê tả sông Lèn, huyện Hà Trung;*

*Căn cứ Thông báo số 503/TB-KVXI ngày 28/8/2025 của Kiểm toán Nhà  
nước khu vực XI về kết quả kiểm toán tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các  
công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 14255/TTr-STC ngày 28/12/2025 (kèm theo báo cáo thẩm tra); của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa tại Tờ trình số 65/TTr-BQLDANN ngày 29/8/2025 về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Chu khu vực cầu Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa và đê tả sông Lèn, huyện Hà Trung.

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: Kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Chu khu vực cầu Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa và đê tả sông Lèn, huyện Hà Trung.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

- Địa điểm xây dựng: Thuộc địa giới hành chính các xã Thiệu Phúc, Minh Tâm, Thiệu Vận, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa và xã Hà Sơn, huyện Hà Trung (nay thuộc các xã: Thiệu Hóa, Triệu Trung, Tống Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

- Thời gian khởi công, hoàn thành: Ngày khởi công 03/02/2023, ngày hoàn thành 15/12/2024.

### **Điều 2.** Kết quả đầu tư

#### **1.** Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Nội dung                                         | Tổng mức đầu tư dự án hoặc dự toán công trình được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|-----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     | <b>Tổng số</b>                                   | <b>247.823.308.616</b>                                                                | <b>229.209.282.200</b>            |
| 1   | Chi phí bồi thường GPMB                          | 3.844.416.310                                                                         | 3.843.087.750                     |
| 2   | Chi phí xây dựng và bảo hiểm công trình xây dựng | 225.070.688.000                                                                       | 208.271.141.450                   |
| 3   | Quản lý dự án                                    | 3.403.616.000                                                                         | 3.403.616.000                     |
| 4   | Tư vấn ĐTXD                                      | 13.799.106.818                                                                        | 12.226.328.000                    |
| 5   | Chi phí khác                                     | 1.705.481.488                                                                         | 1.465.109.000                     |

## 2. Vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Nội dung                                                                                       | Tổng mức đầu tư dự án hoặc dự toán công trình được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Thực hiện:                        |                        |                           |                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|
|     |                                                                                                |                                                                                       | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân    | Số vốn còn được giải ngân | Số vốn phải thu hồi |
|     | <b>Tổng số</b>                                                                                 | <b>247.823.308.616</b>                                                                | <b>229.209.282.200</b>            | <b>229.209.282.200</b> | <b>1.270.804.000</b>      | <b>0</b>            |
|     | <b>Vốn đầu tư công</b>                                                                         | <b>247.823.308.616</b>                                                                | 229.209.282.200                   | 229.209.282.200        | 1.270.804.000             | 0                   |
|     | <i>Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i> | <b>247.823.308.616</b>                                                                | 229.209.282.200                   | 229.209.282.200        | 1.270.804.000             |                     |

\* Ghi chú: Số vốn còn được giải ngân 1.270.804.000 từ tài khoản tạm giữ tiền bảo hành của chủ đầu tư.

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Nội dung                          | Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có) |                          | Giao đơn vị khác quản lý (nếu có) |                          |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
|     |                                   | Giá trị thực tế                   | Giá trị quy đổi (nếu có) | Giá trị thực tế                   | Giá trị quy đổi (nếu có) |
|     | <b>Tổng số</b>                    |                                   |                          | <b>229.209.282.200</b>            |                          |
| 1   | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                                   |                          | 229.209.282.200                   |                          |
| 2   | Tài sản ngắn hạn                  |                                   |                          |                                   |                          |

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

## 5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

## Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

### 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

#### 1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT      | Nội dung                                                                                       | Số tiền                | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Tổng số</b>                                                                                 | <b>229.209.282.200</b> |         |
|          | <b>Vốn đầu tư công</b>                                                                         | 229.209.282.200        |         |
|          | <i>Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i> | 229.209.282.200        |         |

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 22/8/2025.

a) Nợ phải thu: Không.

b) Nợ phải trả: 1.270.804.000 đồng, từ tài khoản tạm giữ tiền bảo hành của chủ đầu tư, cụ thể:

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Huy Hoàn: 1.270.804.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng.*

| STT | Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|-----|------------------------------|-------------------------|------------------|
|     | Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa   | 229.209.282.200         |                  |

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

- Sở Tài chính, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa (chủ đầu tư) và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán.

- Sau khi có quyết toán được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán công nợ theo quy định.

- Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa được phép ghi tăng tài sản theo quy định.

4. Các nghiệp vụ khác: Thanh toán theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Cao Văn Cường**